

3. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO VIÊN

3.1. Cấu trúc bài hướng dẫn dạy học trong sách giáo viên

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần chính: *Mục tiêu, Chuẩn bị, Hoạt động dạy học.*

Phần *Mục tiêu* có nội dung và cách thể hiện phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

Phần **Chuẩn bị** bao gồm hai nội dung: a. kiến thức (tiếng Việt và đời sống) mà GV cần có để dạy tốt bài học; và b. phương tiện dạy học cần có và nên có (ngoài những phương tiện dạy học được nêu trong SGK, GV có thể sử dụng các phương tiện phù hợp khác. Do phương tiện dạy học cần chuẩn bị cho các bài ở từng học kì về cơ bản giống nhau, nên nội dung này không được trình bày thành mục riêng ở mỗi bài, tránh trùng lặp). Phần **Hoạt động dạy học** bám sát các mục của bài học trong SHS. Ngoài ra, ở đầu bài học có mục ôn bài cũ, tạo tâm thế cho bài học mới; ở cuối bài học có mục **Củng cố** giúp GV và HS tóm tắt lại những nội dung đã học và GV nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của HS. Tùy tình hình thực tế, GV vận dụng linh hoạt thời gian để tổ chức các hoạt động dạy học.

3.2. Một số lưu ý khi tổ chức các hoạt động dạy học

a. Giải thích nghĩa của từ ngữ

GV cần nắm vững nghĩa của tất cả các từ ngữ có trong SHS. Ở học kì 1, SHS chủ yếu sử dụng những từ ngữ thông dụng, dễ hiểu và thường có hình minh họa để giúp HS tiếp nhận được ngay nghĩa của từ ngữ và nội dung bài học nói chung. Vì vậy, việc giải thích nghĩa của từng từ ngữ riêng lẻ như cách giải thích trong từ điển là chưa cần thiết và HS cũng khó tiếp nhận được. Nếu có tình huống đặc biệt cần giải thích từ ngữ thì sử dụng phương pháp giải thích nghĩa của từ ngữ bằng hình ảnh trực quan hay đưa những ví dụ cụ thể có dùng từ ngữ cần giải thích để HS hình dung được nghĩa của từ ngữ, qua đó hiểu được nội dung câu, đoạn văn. Ở học kì 2, những từ ngữ khó xuất hiện trong các văn bản đọc được ghi ngay dưới văn bản trong SHS. Những phần giải thích nghĩa thì được đưa vào SGK. Ngoài cách giải thích được gợi ý trong SGK, GV có thể vận dụng những cách giải thích có tính trực quan và dùng những ví dụ minh họa cụ thể để HS có thể hiểu nghĩa của các từ ngữ khó một cách dễ dàng.

b. Quy trình dạy học phần văn

Quy trình dạy học đánh vần các bài 3 vần (đôi khi 4 vần) khác với quy trình dạy học các bài 2 vần. Các bài 3 hoặc 4 vần đều bao gồm những vần phát âm gần nhau và đồng dạng về chữ viết. Vì vậy, với những bài này, trước khi luyện đọc từng vần, HS nên được so sánh để nhận biết sự tương đồng và khác biệt giữa các vần trong một nhóm vần. Thao tác đó giúp cho việc học đọc và viết các vần tương tự được diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn. Tuy vậy, GV có thể thay đổi quy trình miễn sao việc dạy đánh vần được tiết kiệm thời gian và hiệu quả.

HS không nhất thiết phải đọc, viết thành thạo các vần ngay sau khi học xong các vần đó vì kĩ năng đọc và viết các vần trong bài được tiếp tục củng cố trong 2 tiết luyện tập tăng thêm, trong bài ôn tập cuối tuần và được lặp đi lặp lại trong những bài học còn lại của **Tiếng Việt 1**.

c. Cách đánh vần

Có một số cách đánh vần khác nhau. **Tiếng Việt 1** không quy định cứng nhắc cách đánh vần nào. Tùy vào khả năng của HS mà GV lựa chọn cách đánh vần cho phù hợp

và hiệu quả. Chẳng hạn, với tiếng *bàn*, có thể áp dụng một trong những cách đánh vần sau đây: 1) *bờ - an - ban - huyền - bàn* (dành cho những HS có kỹ năng đọc bình thường); 2) *a - nờ - an - bờ - an - ban - huyền - bàn* (dành cho những HS có kỹ năng đọc hạn chế). Ngoài ra, nếu HS nào không cần đánh vần thì có thể cho các em đọc trơn (đọc toàn âm tiết), bỏ qua bước đánh vần.

d. Viết chữ hoa

Chương trình Tiếng Việt lớp 1 chỉ quy định HS biết viết chữ hoa, không bắt buộc viết chữ in hoa hay viết chữ viết hoa. Ở tập một, từ tuần 7 trở đi, ở mỗi bài ôn cuối tuần, HS được viết một câu ngắn. Tuy vậy, trong vở *Tập viết* đã có chữ hoa được in sẵn ở đầu câu. Vì vậy, HS chưa phải tự viết chữ hoa. Ở tập hai, viết chữ viết hoa không được dạy học thành mục riêng mà kết hợp trong các hoạt động viết câu, đoạn văn. Trước khi cho HS viết câu, đoạn văn, GV hướng dẫn HS luyện tô chữ viết hoa có trong câu, đoạn văn ở vở *Tập viết 1*, *tập hai* khi chữ hoa này xuất hiện lần đầu trong phần viết. Tuy nhiên, khi thực hành viết câu, đoạn, HS có thể viết chữ viết hoa theo mẫu đã tô hoặc viết chữ in hoa. Với hoạt động viết câu sáng tạo (chẳng hạn được gợi ý từ tranh) thì HS cần tự viết chữ hoa. Như vậy, theo tinh thần mở của Chương trình, SGK cũng không quy định chữ in hoa hay viết hoa. GV và HS tùy nghi áp dụng miễn là giúp HS có thể viết câu và có ý thức viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng.^(*)

3.3. Phương pháp dạy học

a. Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 1* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của Chương trình môn Ngữ văn và Chương trình Giáo dục Phổ thông nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng của HS.

b. Ở từng kiểu bài học, đối với từng hoạt động dạy học nhằm phát triển từng kỹ năng (đọc, viết, nói, nghe) cho HS, GV cần có những phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu dạy học được quy định đối với lớp 1.

Đọc: Dạy đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kỹ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Trong giai đoạn đầu (học kì 1), đọc thành tiếng ưu tiên hơn, đọc hiểu chỉ đặt ra yêu cầu hiểu nghĩa của từ ngữ (tách biệt), câu, đoạn ngắn. Trong giai đoạn sau (học kì 2), đọc thành tiếng vẫn là kỹ năng ưu tiên, nhưng yêu cầu đọc hiểu tăng dần, từ văn bản ngắn, đơn giản đến văn bản dài hơn, phức tạp hơn.

Đối với đọc thành tiếng, phương pháp dạy học chủ yếu là GV đọc mẫu và HS thực hành theo mẫu. Đọc phân vai dựa theo một truyện kể cũng cần được khai thác. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của

(*) Cần lưu ý là dù viết theo kiểu chữ nào thì GV cũng không nên tạo áp lực HS phải viết chữ đẹp. Yêu cầu quan trọng đối với tất cả HS là viết chữ đúng nét, rõ ràng, ngay ngắn, dễ đọc. Còn viết chữ đẹp chỉ nên coi là lựa chọn theo sở thích và năng khiếu của HS.

HS có liên quan đến nội dung của văn bản đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, cho HS thảo luận nhóm (chủ yếu là nhóm đôi). Trước khi đọc văn bản, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán nội dung văn bản. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ nên áp dụng cho một số văn bản và những đối tượng HS phù hợp. Phương châm là phương pháp dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

Viết: Dạy viết nhằm giúp HS hình thành và phát triển kỹ năng viết chữ (tập viết, chính tả) và dạy viết câu (có vận dụng hiểu biết về ngữ pháp và sáng tạo). Dạy kỹ năng viết chữ chủ yếu sử dụng phương pháp GV làm mẫu, HS thực hành theo mẫu. Dạy viết câu có thể vừa sử dụng phương pháp GV làm mẫu, HS thực hành theo mẫu vừa sử dụng phương pháp khơi gợi khả năng tưởng tượng, liên hệ, sáng tạo bằng cách dùng tranh ảnh gợi ý, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, từ đó HS có thể viết câu đúng và thể hiện những ý tưởng sáng tạo,...

Nói và nghe: Dạy nói và nghe cũng cần chú ý vận dụng phương pháp GV làm mẫu và HS thực hành theo mẫu; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, HS thảo luận nhóm (chủ yếu là nhóm đôi) rồi trình bày trước lớp; nghe kể chuyện và kể lại hoặc đóng vai diễn lại câu chuyện đã nghe.

c. Các nghiên cứu về dạy học và thực tiễn dạy học các lớp đầu cấp tiểu học trên thế giới đều cho thấy hiệu quả của quy trình dạy học sau: GV trình bày và làm mẫu những kỹ năng và chiến lược mới cho cả lớp. Sau đó, HS hoạt động nhóm (chủ yếu là nhóm đôi) (chẳng hạn hỏi và trả lời, chia sẻ ý tưởng, đọc lại câu chuyện cho bạn nghe,...) và học cá nhân để vận dụng những kỹ năng mới học được. Kết hợp dạy học chung cả lớp, sau đó HS học theo nhóm và học độc lập là hình thức cần được áp dụng phổ biến, linh hoạt và cân bằng.

d. Để đổi mới phương pháp dạy học, ngay từ lớp 1, nhất là sang học kì 2, trong tất cả hoạt động đọc, viết, nói và nghe, GV cần khuyến khích HS tương tác với nhau, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học và trưởng thành. Ngoài trao đổi nhóm, đóng vai kể lại câu chuyện thì tham gia các trò chơi cũng là hình thức tương tác phù hợp đối với HS lớp 1. Đối với dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp thì các hoạt động có tính tương tác càng có ý nghĩa. Nó giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kỹ năng xã hội một cách hiệu quả; các em trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, tôn trọng sự khác biệt và có động lực học cao hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian làm việc với những HS hay nhóm HS cần hỗ trợ.

đ. Cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS gặp khó khăn trong phát triển các kỹ năng giao tiếp, chẳng hạn, dành cơ hội cho những HS này được luyện tập đánh vần, đọc trơn nhiều hơn trong 2 tiết/ tuần luyện đọc, viết tăng thêm ở học kì 1,... Tương tự như vậy, cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho những HS tự tin,

năng động, có khả năng đọc, viết, nói và nghe tốt hơn so với các HS khác, chẳng hạn tăng thêm các bài tập dạng khó như viết câu sáng tạo, trình bày trước lớp, kể lại câu chuyện theo trí nhớ và có chi tiết sáng tạo,...

3.4. Phương tiện dạy học

- Ở cả học kì 1 và học kì 2, phương tiện dạy học chủ yếu là tranh ảnh minh họa có trong SHS được phóng to. Nếu có phương tiện hỗ trợ (máy tính, máy chiếu, màn hình,...) thì có thể thay thế bằng trình chiếu hình ảnh.
- Kèm theo SHS, mỗi học kì đều có vở *Tập viết* (tập một và tập hai). Riêng học kì 1 cần có thêm bộ thẻ chữ cái.
- Ngoài ra, GV có thể chuẩn bị thêm các phương tiện dạy học khác như bảng phụ, video clip, đồ vật trực quan,... để tổ chức các hoạt động dạy học một cách sinh động và hiệu quả.

3.5. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 1* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung.

a. Về mục tiêu, đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

b. Về nội dung, đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

- **Về phẩm chất,** đánh giá HS thông qua các biểu hiện về: tình yêu thiên nhiên; yêu quê hương, nơi sinh sống; yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô và những người xung quanh.

- **Về năng lực chung**

+ **Năng lực tự chủ và tự học:** Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.

+ **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.

+ **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

- **Về năng lực đặc thù (đọc, viết, nói, nghe)**

+ **Đọc:** Đánh giá kĩ năng đọc gồm kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Về kĩ năng đọc thành tiếng, ở học kì 1, nhất là thời gian đầu, tập trung vào khả năng HS đọc âm, vần và đánh vần tiếng; khả năng đọc trơn tiếng, từ, câu, đoạn ngắn.

Ở học kì 2, tập trung vào đánh giá kĩ năng đọc văn bản với yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy và theo tốc độ như Chương trình quy định.

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến những nội dung tường minh, thể hiện cảm nghĩ và liên hệ với bản thân ở mức đơn giản như cảm nghĩ về nhân vật hay câu chuyện, bài học từ văn bản,...

- + **Viết:** Đánh giá kĩ năng viết dựa trên nhiều hình thức viết đa dạng với những yêu cầu khác nhau: viết chữ (ghi âm, vần, tiếng, từ ngữ), chép chính tả, nghe viết chính tả, viết lại câu trả lời, viết câu hoàn thiện sau khi điền và viết sáng tạo một hai câu ngắn. Với kĩ năng viết chữ, chép chính tả, nghe viết chính tả, việc đánh giá chú ý đến cách HS cầm bút, nét chữ HS viết và mức độ đúng chính tả. Với kĩ năng viết lại câu trả lời, viết câu hoàn thiện sau khi điền và viết câu mới, cần chú ý đánh giá về mức độ đúng chính tả, kĩ năng dùng từ ngữ và đặt câu.
- + **Nói và nghe:** Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng phát âm đúng, rõ với tốc độ phù hợp; khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện hiểu được nội dung đã nghe.

c. Về cách thức đánh giá, các phẩm chất và năng lực chung được đánh giá bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét, thực hiện trong suốt năm học. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được đánh giá vừa bằng định tính, thực hiện trong suốt năm học; vừa bằng định lượng, được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm. Cuối tuần ôn tập của mỗi học kì có một đề kiểm tra tham khảo. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu cần đạt để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với HS của mình. Với HS lớp 1, cần ưu tiên đánh giá bằng định tính trong quá trình dạy học. Đánh giá định lượng (cho điểm) chỉ thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan quản lí giáo dục.

VỚI CUỘC SỐNG